

C. Unscramble the following sentences by writing the numbers in parentheses in the correct order.

排排看：請使用代號重新組合以下句子。
pái pái kàn qǐng shǐ yòng dài hào chóng xīn zǔ hé yǐ xià jù zǐ

1.

- (1)我爸爸的朋友 (2)一隻狗 (3)送給 (4)昨天 (5)我



2.

- (1)每天 (2)帶牠們 (3)去散步 (4)我 (5)都



3.

- (1)去年 (2)我 (3)了 (4)養 (5)一隻貓



4.

- (1)養 (2)以後 (3)兔子 (4)一隻 (5)我想


